

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 582.../XNK-TCKT
V/v giải trình số liệu chênh lệch BCTC bán niên
2015 trước và sau soát xét)

An Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Căn cứ vào báo cáo tài chính bán niên 2015 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (AGM) đã được soát xét bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

1. Bảng cân đối kế toán:

Chi tiêu thay đổi chủ yếu		Số liệu ngày 30/6/2015		
		Chưa soát xét	Đã soát xét	Chênh lệch
TÀI SẢN				
A.Tài sản ngắn hạn	100	658.228.432.342	643.068.000.800	(15.160.431.542)
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130	63.094.002.961	48.509.363.369	(14.584.639.592)
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	47.873.348.162	32.468.348.162	(15.405.000.000)
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	14.319.344.404	15.520.944.404	1.201.600.000
3.Phải thu ngắn hạn khác	136	1.478.853.945	2.097.614.353	618.760.408
V.Tài sản ngắn hạn khác	150	6.318.364.920	5.742.572.970	(575.791.950)
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	637.417.944	842.792.944	205.375.000
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152	3.504.124.001	3.466.791.216	(37.332.785)
3.Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	1.356.462.567	1.432.988.810	76.526.243
5.Tài sản ngắn hạn khác	155	820.360.408	0	(820.360.408)
B.Tài sản dài hạn	200	308.082.572.787	307.532.607.837	(549.964.950)
I.Các khoản phải thu dài hạn	210	0	371.000.000	371.000.000
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	216	0	371.000.000	371.000.000
II.Tài sản cố định	220	117.758.020.719	118.637.120.719	879.100.000
1.TSCĐ hữu hình	221	87.916.368.140	88.795.468.140	879.100.000
Nguyên giá	222	195.447.129.813	196.341.129.813	894.000.000
Giá trị khấu hao lũy kế	223	(107.530.761.673)	(107.545.661.673)	(14.900.000)
III.Tài sản dở dang dài hạn	240	18.927.092.848	18.033.092.848	(894.000.000)
1.Chi phí XDCB dở dang	242	18.927.092.848	18.033.092.848	(894.000.000)
V.Tài sản dài hạn khác	260	10.505.019.355	9.598.954.405	(906.064.950)
1.Chi phí trả trước dài hạn	261	9.088.394.328	8.553.944.328	(534.450.000)
2.Tài sản thuế TN hoãn lại	262	1.045.625.027	1.045.010.077	(614.950)
4.Tài sản dài hạn khác	268	371.000.000	0	(371.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	966.311.005.129	950.600.608.637	(15.710.396.492)
NGUỒN VỐN				
A.Nợ phải trả	300	624.254.677.245	609.486.794.460	14.767.882.785
I.Nợ ngắn hạn	310	619.483.686.020	605.035.500.335	14.448.185.685
1.Phải trả người bán ngắn hạn	311	36.978.596.192	21.573.596.192	15.405.000.000
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	255.880.034	218.547.249	37.332.785

6.Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	104.040.817.844	105.034.964.944	(994.147.100)
II.Nợ dài hạn	330	4.770.991.225	4.451.294.125	319.697.100
1.Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	319.697.100	0	319.697.100
B.Vốn chủ sở hữu	400	342.056.327.884	341.113.814.177	942.513.707
4.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	42.508.327.884	41.565.814.177	942.513.707
-Lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	37.010.750.986	36.336.300.986	674.450.000
-Kỳ này	421b	5.497.576.898	5.229.513.191	268.063.707
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	966.311.005.129	950.600.608.637	15.710.396.492

2. Báo cáo kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu thay đổi chủ yếu	Chưa soát xét	Đã soát xét	Chênh lệch
Các khoản giảm trừ doanh thu	169.501.206	22.242.085.940	22.072.584.734
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	985.085.046.494	963.012.461.760	(22.072.584.734)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	925.853.315.125	903.795.630.391	(22.057.684.734)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.231.731.369	59.216.831.369	(14.900.000)
Chi phí bán hàng	49.796.351.708	50.125.426.708	329.075.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.399.776.047)	(4.743.751.047)	(343.975.000)
Lợi nhuận trước thuế	6.109.351.331	5.765.376.331	(343.975.000)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	94.787.152	18.260.909	(76.526.243)
thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	516.987.281	517.602.231	614.950
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.497.576.898	5.229.513.191	(268.063.707)

Những nguyên nhân chính dẫn đến điều chỉnh như sau:

- Bổ sung vào chi phí trả trước tiền thuê mặt bằng chưa thanh toán: 329.075.000 đồng.
- Ghi nhận tài sản cố định và trích khấu hao bổ sung 02 xe nâng đã nghiệm thu nhưng chưa sử dụng: nguyên giá 894.000.000 đồng, trích khấu hao : 14.900.000 đồng.
- Giảm trừ doanh thu và giảm trừ giá vốn hàng bán do chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu: 22.072.584.734 đồng.
- Phân loại lại báo cáo theo thông tư số 200/TT-BTC và phân loại một số tài sản cho phù hợp hơn.

Những nguyên nhân trên đã làm lợi nhuận sau thuế giảm 268.063.707 đồng so với BCTC trước khi soát xét.

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT



NGUYỄN VĂN TIẾN